

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn,  
nuôi con chung”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Đỗ Minh Huyền

***Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm;

2. Ông Chau Khon Sốc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Việt, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ôn Thị Mỹ D, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 5, ấp Vĩnh Thuận, xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

Tạm trú tại: Tổ 01, ấp Vĩnh An, xã Vĩnh Phước, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

2. Bị đơn: Ông Lưu Thanh H, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 5, ấp Vĩnh Thuận, xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

Bà D và ông H đều có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được tại Tòa án bà Nguyễn Ôn Thị Mỹ D trình bày:

Về hôn nhân: Vào khoảng năm 1998 bà và ông H quen biết nhau do tự tìm hiểu đến năm 2000 thì vợ chồng tổ chức lễ cưới đến năm 2002 thì có đăng

ký kết hôn số 08, quyển số 1/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn thì vợ chồng về bên nhà chồng sinh sống được mấy tháng thì ra sống riêng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng được khoảng bảy năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng đến tháng 3 năm 2014 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nguyên nhân do ông H thường uống rượu đánh vợ, vợ chồng thường xuyên cự cãi, ông H dùng những lời lẽ chửi vợ nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay. Nay bà D yêu cầu được ly hôn ông H.

Về con chung: Có ba con chung tên Lưu Gia D1, sinh năm 2001 (đã trưởng thành) nên không yêu cầu giải quyết, Lưu Thị Yên N, sinh năm 2004 và Lưu Quốc K, sinh năm 2010. Bà D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và cháu K, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho bị đơn ông Lữ Thanh H. Tuy Nên, ông H vẫn không tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Bị đơn ông H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do ông có uống rượu đánh vợ nhưng không lớn và ông hứa bỏ rượu nên không đồng ý ly hôn. Về con chung đồng ý giao con theo nguyện vọng của các con, ông không cấp dưỡng nuôi nhưng khi nào đi làm có điều kiện thì ông sẽ gửi chi phí nuôi con tiếp bà D. Về tài sản chung sẽ tự thỏa thuận và nợ chung thì không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân, nơi cư trú của ông H.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm. Tuy Nên còn một số quy phạm nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Về chấp hành pháp luật của đương sự thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 71. Tuy Nên bị đơn

đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai nên không thực hiện Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về tố tụng:* Bà Nguyễn Ôn Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Lưu Thanh H có địa chỉ tại tổ 1, ấp Vĩnh An, xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về nội dung:*

*Về hôn nhân:* Bà D và ông H quen biết nhau do tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân nên vào năm 2000 có đăng ký kết hôn số 08, quyển số 1/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà D và ông H đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn là do ông H uống rượu vào là đánh vợ nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay. Nhưng ông H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn và ông hứa bỏ rượu nhưng bà D không đồng ý vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Vợ chồng bà D ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Theo thông tin địa phương được biết thì vợ chồng ông H có mâu thuẫn với nhau do ông H có uống rượu và có ghen bà D với người khác nên bà D đã đi về Nhà Bàng sinh sống đã lâu và buôn bán dưa hấu ở đó còn ông H thì làm nghề vác lúa tại địa phương. Còn con thì thấy bà D vẫn còn đang nuôi hai cháu Yến và cháu K thỉnh thoảng thấy hai cháu về nhà ông H, còn cháu D1 thì đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Xét thấy, vợ chồng bà D và ông H có mâu thuẫn với nhau nguyên nhân do ông H có uống rượu đánh vợ nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân đã hơn một năm đủ dài để vợ chồng cùng hàn gắn tình cảm nhưng cả hai vẫn không thể hàn gắn được tình cảm đến nay thì bà D và ông H vẫn còn ly thân đều đó chứng tỏ hai bên không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Cho nên, tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Bà D và ông H có ba con chung tên Lưu Gia D1, sinh năm 2001 (đã trưởng thành) nên không yêu cầu giải quyết, Lưu Thị Yên N, sinh năm 2004 và Lưu Quốc K, sinh năm 2010. Bà D yêu cầu được nuôi dạy cháu N và cháu K, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Nhận thấy, Lưu Gia D1 đã trưởng thành nên không đề cập đến, còn đối với cháu N và cháu K hiện tại đang do bà D trực tiếp nuôi dạy và bà D có nghề nghiệp buôn bán nên có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dạy, chăm sóc con ổn định. Đồng thời tại bản tự khai ngày 12/8/2022 thì hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Từ đó để đảm bảo cho môi trường sống của hai cháu được ổn định thì giao hai cháu cho bà D tiếp tục nuôi dạy, ông H không pH cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét chấp nhận.

Căn cứ Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bà D khởi kiện xin ly hôn nên pH chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch.

Ông H không pH chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ôn Thị Mỹ D.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ôn Thị Mỹ D được ly hôn với ông Lưu Thanh

H

Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyền số 1/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Lưu Gia D1 đã trưởng thành nên không đề cập đến.

Bà Nguyễn Ôn Thị Mỹ D được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lưu Thị Yến N, sinh ngày 07/02/210 và Lưu Quốc K, sinh ngày 16/02/2010. Ông Lưu Thanh H không pH cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Nguyễn Ôn Thị Mỹ D pH chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008453 ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Ông Lưu Thanh H không pH chịu án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Minh Huyền**